

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Phương án, dự toán cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình: Hồ chứa nước Kon Tu Zốp, huyện Đăk Tô

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTN ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định chi tiết một số Điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 01/2017/TT-BXD ngày 06 tháng 02 năm 2017 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí khảo sát xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1354/QĐ-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Xây dựng về việc Công bố Định mức dự toán xây dựng công trình phần khảo sát xây dựng; Công văn số 1776 /BXD-VP ngày 16 tháng 08 năm 2007 của Bộ Xây dựng về việc Công bố Định mức dự toán xây dựng công trình - Phần xây dựng;

Xét Tờ trình số 223/TTr-SNN ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Phương án, dự toán cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình: Hồ chứa nước Kon Tu Zốp, huyện Đăk Tô (kèm theo Phương án và Báo cáo kết quả thẩm định số 262/BCKQTD-SNN ngày 20 tháng 12 năm 2018),

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Phương án, dự toán cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình: Hồ chứa nước Kon Tu Zốp, huyện Đăk Tô với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Mục đích: Cấm mốc xác định hành lang bảo vệ đập, vùng lòng hồ và kênh chính Công trình: Hồ chứa nước Kon Tu Zốp, huyện Đăk Tô.

2. Vị trí cấm mốc: Hồ chứa nước Kon Tu Zốp, xã Pô Kô, huyện Đăk Tô.

3. Số lượng mốc chỉ giới: Tổng số là 86 mốc. Trong đó, phạm vi bảo vệ đập 08 mốc, khu vực lòng hồ 43 mốc, kênh và công trình trên kênh chính 35 mốc (có phụ lục 01, 02 và 03 kèm theo).

4. Quy cách mốc 90cm x 15cm x 15cm bằng bê tông cốt thép mác 200 đúc sẵn, kích thước 15x15 cm; Đế mốc bằng bê tông mác 150, mặt cắt ngang 40x40 cm, độ sâu chôn mốc 40cm và thân mốc nhô lên khỏi mặt đất tự nhiên 50 cm.

5. Khoảng cách các mốc chỉ giới:

- Đối với mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập: Mốc cấm được tính từ chân đập trở ra là 50m. Khoảng cách giữa 2 mốc liền nhau là 100m.

- Đối với mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ lòng hồ: Cao trình cắm mốc đối với vùng lòng hồ là 653,00m (bằng cao trình đỉnh đập). Tuy nhiên, tùy theo tình hình thực tế ngoài thực địa có thể cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ lòng hồ bằng mốc tham chiếu cho phù hợp. Khoảng cách giữa hai mốc liền nhau từ 200m đến 500m và tại các điểm chuyển hướng, khu vực lòng hồ có độ dốc lớn hoặc không có dân cư sinh sống khoảng cách giữa hai mốc liền nhau lớn hơn 1.000m.

- Đối với mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ kênh chính: Mốc cắm được tại các điểm chuyển hướng của kênh, trên đoạn thẳng của kênh khoảng cách hai mốc liền nhau là 300m.

6. Thời gian thực hiện: 55 ngày (kể từ ngày phương án, dự toán cắm mốc được phê duyệt).

7. Giá trị dự toán chi phí cắm mốc: 178.420.000 đồng (Một trăm bảy mươi tám triệu, bốn trăm hai mươi ngàn đồng). Trong đó: Giá trị dự toán đo đạc xác định, thiết kế vị trí và cắm cọc gỗ địa hình cấp III là 158.502.000 đồng và sản xuất, lắp đặt mốc chỉ giới là 19.918.000 đồng.

8. Nguồn vốn thực hiện: Vốn đối ứng của địa phương (thuộc chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng - Tiểu dự án Sửa chữa và Nâng cao an toàn đập WB8 tỉnh Kon Tum).

Điều 2. Ban Quản lý Khai thác các công trình thủy lợi tỉnh Kon Tum có trách nhiệm:

1. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Pô Kô, Ủy ban nhân dân huyện Đăk Tô thực hiện việc cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình: Hồ chứa nước Kon Tu Zốp, huyện Đăk Tô trên thực địa theo phương án được phê duyệt.

2. Bàn giao mốc giới cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có hồ chứa để quản lý, bảo vệ theo quy định của pháp luật. Trường hợp hành lang bảo vệ hồ chứa, vùng lòng hồ bị lấn chiếm, sử dụng trái phép thì phải kịp thời báo cáo và phối hợp với chính quyền địa phương để xử lý theo quy định.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có những thay đổi, điều chỉnh, bổ sung so với nội dung phương án và nội dung tại Điều 1 của Quyết định này, Ban Quản lý khai thác các công trình thủy lợi tỉnh phải có văn bản báo cáo cơ quan cấp có thẩm quyền và chỉ được thực hiện những thay đổi, điều chỉnh, bổ sung sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

Điều 3. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đăk Tô, Giám đốc Ban Quản lý khai thác các công trình thủy lợi tỉnh Kon Tum và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBND xã Pô Kô, huyện Đăk Tô;
- CVP, PVP UBND tỉnh (NN);
- Lưu: VT, NN5.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Tháp



Phụ lục 01

Tọa độ mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ Đập
công trình: Hồ chứa nước Kon Tu Zốp, huyện Đăk Tô
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1463/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Tên điểm	Tọa độ X (m)	Tọa độ Y (m)	Tên mốc
1	1610760	533369	CTTL.01
2	1610759	533435	CTTL.02
3	1610728	533485	CTTL.03
4	1610680	533530	CTTL.04
5	1610607	533584	CTTL.05
6	1610553	533578	CTTL.06
7	1610522	533564	CTTL.07
8	1610505	533543	CTTL.08



Phụ lục 02

**Tọa độ mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ tuyến kênh chính và CTTK
công trình: Hồ chứa nước Kon Tu Zốp, huyện Đăk Tô**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1463/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

Tên điểm	Tọa độ X (m)	Tọa độ Y (m)	Tên mốc
1	1610697	533532	CTTL.09
2	1610656	533576	CTTL.10
3	1610635	533579	CTTL.11
4	1610658	533620	CTTL.12
5	1610639	533623	CTTL.13
6	1610796	533592	CTTL.14
7	1610792	533594	CTTL.15
8	1610815	533650	CTTL.16
9	1610812	533653	CTTL.17
10	1610926	533781	CTTL.18
11	1610923	533785	CTTL.19
12	1611016	533803	CTTL.20
13	1611014	533807	CTTL.21
14	1611077	533844	CTTL.22
15	1611075	533848	CTTL.23
16	1611169	533886	CTTL.24
17	1611166	533889	CTTL.25
18	1611223	533953	CTTL.26
19	1611221	533957	CTTL.27
20	1611316	534035	CTTL.28
21	1611311	534038	CTTL.29
22	1611383	534194	CTTL.30
23	1611380	534197	CTTL.31
24	1611453	534240	CTTL.32
25	1611449	534242	CTTL.33
26	1611506	534387	CTTL.34
27	1611501	534387	CTTL.35
28	1611496	534483	CTTL.36
29	1611491	534483	CTTL.37
30	1611500	534545	CTTL.38
31	1611496	534546	CTTL.39
32	1611504	534600	CTTL.40
33	1611500	534601	CTTL.41
34	1611573	534718	CTTL.42
35	1611567	534721	CTTL.43



Phụ lục 03

**Tọa độ mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ lòng hồ
công trình: Hồ chứa nước Kon Tu Zốp, huyện Đăk Tô**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 463/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

Tên điểm	Tọa độ X (m)	Tọa độ Y (m)	Tên mốc
1	1610554	533511	CTTL.44
2	1610478	533436	CTTL.45
3	1610349	533452	CTTL.46
4	1610203	533474	CTTL.47
5	1610110	533426	CTTL.48
6	1610299	533377	CTTL.49
7	1610376	533324	CTTL.50
8	1610399	533204	CTTL.51
9	1610272	533170	CTTL.52
10	1610150	533213	CTTL.53
11	1610078	533226	CTTL.54
12	1610138	533172	CTTL.55
13	1610150	533104	CTTL.56
14	1610190	533119	CTTL.57
15	1610448	533111	CTTL.58
16	1610474	533037	CTTL.59
17	1610447	532963	CTTL.60
18	1610313	532928	CTTL.61
19	1610246	532942	CTTL.62
20	1610305	532908	CTTL.63
21	1610323	532869	CTTL.64
22	1610225	532748	CTTL.65
23	1610231	532690	CTTL.66
24	1610265	532670	CTTL.67
25	1610357	532775	CTTL.68
26	1610489	532762	CTTL.69
27	1610569	532586	CTTL.70
28	1610572	532767	CTTL.71
29	1610771	532716	CTTL.72
30	1610747	532741	CTTL.73
31	1610812	532752	CTTL.74
32	1610684	532772	CTTL.75
33	1610607	532861	CTTL.76
34	1610750	532963	CTTL.77
35	1610625	532988	CTTL.78
36	1610679	533078	CTTL.79
37	1610652	533197	CTTL.80
38	1610663	533247	CTTL.81

Tên điểm	Tọa độ X (m)	Tọa độ Y (m)	Tên mốc
39	1610698	533274	CTTL.82
40	1610706	533309	CTTL.83
41	1610718	533327	CTTL.84
42	1610711	533380	CTTL.85
43	1610721	533396	CTTL.86